

Án số: 51/2018/DS-PT

Ngày: 10 - 8 - 2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Viên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 10 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 68/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 52/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 57/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn H, sinh năm 1932; cư trú tại thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; cư trú tại 185 C, Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền được công chứng ngày 11/10/2017). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị X; cư trú tại thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. (Chết năm 2016).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X:

1. Ông Nguyễn V, sinh năm 1964; cư trú tại thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại 40 Đ, P, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; cư trú tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970; cư trú tại tổ 5, Thôn P, V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; cư trú tại tổ 3, Thôn P, V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1974; cư trú tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1976; cư trú tại 48/6 N, V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1978; cư trú tại 127/7 P, phường P, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị B, cư trú tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. (Chết năm 2012).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị B:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965. Có mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 9, V2, V1, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Võ Thị L. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Võ Thị L1. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại tỉnh Kon Tum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị H2: Ông Nguyễn Văn H là Luật sư Công ty Luật TNHH Tỉnh Khánh Hòa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1948. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Như M, sinh năm 1964. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1966. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại tổ 2, X, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa

4. Ông Đậu Mạnh T, sinh năm 1973. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1975. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại 214/22 L, P, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa .

6. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1979; cư trú tại 03/12 N, P, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú tại 03/12 N, P, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa ; cư trú tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1962. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà Võ Trương Thị Lan C, sinh năm 1963. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại thôn T, Xã N, N, Tỉnh Khánh Hòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2002, bản tự khai của ông Nguyễn H, quá trình tranh tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn H trình bày:

Cha, mẹ của ông là cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C có 04 người con gồm:

- Ông Nguyễn H là con nuôi được cụ D và cụ C nuôi từ nhỏ.

- Bà Nguyễn Thị X (chết năm 2016), có 08 người con là Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6.

- Ông Nguyễn L (chết năm 1968) có vợ là bà Võ Thị T và 02 con là Nguyễn Thị Như M và Nguyễn Thị Minh T.

- Ông Nguyễn X (chết năm 1999), có vợ là bà Đặng Thị B (chết năm 2012) và 03 người con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H1. Ngoài ra, bà B còn có 02 con riêng là Võ Thị L và Võ Thị L1.

Quá trình chung sống, cụ D và cụ C tạo lập được một ngôi nhà tranh trên diện tích đất 1.115,5m² (diện tích thực tế đo theo sơ đồ thửa đất ngày 25/4/2017) tọa lạc tại thôn Thôn P, xã Phường V, Thành phố N.

Cụ Nguyễn D chết năm 1958, không để lại di chúc.

Sau khi cụ D chết, cụ C vẫn sinh sống tại ngôi nhà tranh. Năm 1968 toàn bộ nhà tranh bị cháy, chỉ còn lại nền xi măng, móng đá chẻ. Thời điểm này cụ C cùng các con là các ông Hòa, bà X và bà T cùng sinh sống tại địa phương, còn ông X, bà B cùng các con sống tại phường Phước Tân, Thành phố N. Cụ C cùng các con đóng góp công sức để xây dựng nhà cho cụ C ở, cụ thể: Ông góp 08 bao xi măng và 05 khung cửa sắt; ông X là thợ xây nên góp công; bà X góp 10 bao xi măng, công dọn dẹp, phụ hồ; bà T góp 10 chỉ vàng; Ủy ban hành chính xã hỗ trợ 3.000 đồng; Chùa Chí Lý T hỗ trợ 4.500 đồng.

Năm 1977, ông X và gia đình chuyển về sinh sống cùng với cụ C. Quá trình sinh sống, ông X, bà B có sửa chữa giếng nước, trồng cây và làm thêm công trình phụ và một căn nhà tạm.

Năm 1979, cụ C chết, không để lại di chúc.

Năm 1997, ông X, bà B làm thủ tục kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 880m², còn một phần diện tích đất mộ, hiện không còn ngôi mộ nào trên đất. Bà B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mộ này nhưng nguồn gốc đất là của cụ D, cụ C để lại. Việc ông X, bà B tự kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông và bà X không hay biết gì.

Việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã Phường V lập biên bản hòa giải. Bà B và các con của bà B đều thừa nhận nhà, đất nêu trên là của cụ D và cụ C.

Bản án sơ thẩm số 151/2003/DSST ngày 22/9/2003 của Tòa án nhân dân thành phố N đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm số 120/2003/DSPT ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi có bản án phúc thẩm nêu trên, bà Đặng Thị B đã lập bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tỉnh Khánh Hòa, với nội dung: các bên thống nhất giao toàn bộ tài sản là nhà, đất diện tích 880m² cho bà Đặng Thị B toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Bà B tặng cho bà Nguyễn Thị H1 một phần diện tích 248,5m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trong đó đất thổ cư là 30m²).

Bà B bán cho ông Phạm Minh H một phần diện tích 265,4m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trong đó đất thổ cư là 100m²).

Bà B bán cho ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T một phần diện tích 133,2m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trong đó đất thổ cư là 30m²). Sau đó, Ông T và bà T đã bán lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Võ Trương Thị Lan C.

Phần diện tích đất còn lại, bà B quản lý sử dụng (bao gồm cả đất mộ). Bà B phá bỏ nhà cũ xây năm 1968 và xây dựng lại nhà mới có sân và làm đường đi chung bằng bê tông. Sau khi bà B chết năm 2012, con gái bà B là Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất trên.

Quyết định giám đốc thẩm số 40/2007/QĐGĐT ngày 01/02/2007 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên xử hủy Bản án sơ thẩm số 151/2003/DSST ngày 22/9/2003 của Tòa án nhân dân thành phố N và Bản án phúc thẩm số 120/2003/DSPT ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tỉnh Khánh Hòa. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N xét xử lại sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm số 123/2007/DSST ngày 11/10/2007 của Tòa án nhân dân thành phố N đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Chia thừa kế theo giá trị kỷ phần cho những người được hưởng

thừa kế. Nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X, bị đơn bà Đặng Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H, ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T kháng cáo.

Bản án phúc thẩm số 58/2008/DSPT ngày 01/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên xử hủy Bản án sơ thẩm số 123/2007/DSST ngày 11/10/2007 của Tòa án nhân dân thành phố N. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N xét xử lại sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm số 25/2012/DSST ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố N đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Chia thừa kế theo giá trị kỷ phần cho những người được hưởng thừa kế. Nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X, bị đơn bà Đặng Thị B kháng cáo.

Bản án phúc thẩm số 73/2013/DSPT ngày 23/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên xử hủy Bản án sơ thẩm số 25/2012/DSST ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố N. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N xét xử lại sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C là diện tích đất tại thôn Thôn P, Phường V, Thành phố N (diện tích đo vẽ thực tế là 1.115,5m²). Đối với căn nhà cấp 4, diện tích 33,97m², 01 giếng nước và các cây ăn trái trên đất không yêu cầu chia vì giá trị quá nhỏ. Việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật hay giá trị là do Hội đồng xét xử quyết định và đề nghị xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và những người khác. Thu hồi phần diện tích đất mà bà B đã tặng cho bà Nguyễn Thị H1 để chia thừa kế. Yêu cầu Tòa án có biện pháp ngăn chặn không cho sang nhượng, tặng cho phần nhà đất còn lại của bà B và phần đất mà bà B đã cho bà H.

- *Tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2002, ngày 29/8/2002 và ngày 30/6/2015 bà Nguyễn Thị X và đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn. Bà X yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật.

Những người thừa kế tố tụng của bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị X chết năm 2016, bà X có tất cả 08 người con là Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6. Khi còn sống, bà Nguyễn Thị X đứng đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế với bị đơn là bà Đặng Thị B (đã chết). Nay bà X đã chết, các bà đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X. Riêng ông Nguyễn V từ chối kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X. Trong trường hợp được hưởng phần tài sản mà bà X được chia thừa kế theo quyết định của Tòa án thì các bà yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất

được chia, vì hiện nay phần đất mà bà X yêu cầu chia thừa kế đã bán cho rất nhiều người nên không thể chia được bằng hiện vật.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2002 của bị đơn bà Đặng Thị B và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày:*

Cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C có 03 người con đẻ và 01 người con nuôi đúng như nguyên đơn trình bày. Cụ D chết năm 1958, cụ N chết năm 1979 đều không để lại di chúc. Khi còn sống, cụ D, cụ C tạo lập được ngôi nhà tranh trên diện tích đất 880m² tại thôn Thôn P, xã Phường V, Thành phố N. Năm 1968, nhà bị cháy, chồng bà là ông Nguyễn X đứng ra xây dựng nhà cho cụ C ở. Việc đóng góp tiền của để xây dựng nhà của ai, bao nhiêu bà không biết.

Nhà đất nêu trên cụ C đã giao cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1975 đến nay. Căn nhà xây năm 1968 do ông X đứng ra xây dựng cho cụ C ở là của vợ chồng bà, cây cối cũng do vợ chồng bà trồng, giếng nước của cha mẹ chồng để lại đã bị sập nên ông X phải sửa lại. Năm 1997, vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 880m².

Sau khi xảy ra tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà và các con đã lập bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tỉnh Khánh Hòa, thống nhất giao toàn bộ nhà và đất cho bà toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Bà đã tháo dỡ toàn bộ nhà cũ và xây dựng nhà mới trên nền đất nhà cũ và làm đường đi chung bằng bê tông. Bà tặng cho bà Nguyễn Thị H1 một lô đất diện tích 248,5m²; chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh H diện tích 265,4m²; chuyển nhượng cho ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T một lô đất có diện tích 133,2m². Bà H, ông H, Ông T và bà T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà không đồng ý chia di sản thừa kế vì thực tế không còn đất để mà chia cho nguyên đơn. Nhà đất nêu trên là tài sản của bà và ông Nguyễn X, bà và ông Nguyễn X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị B gồm các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 trình bày:

Về nguồn gốc lô đất tranh chấp là của ông, bà nội các bà là cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C, nhưng cha mẹ các bà là ông Nguyễn X và bà Đặng Thị B đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 với diện tích 880m². Năm 1968 căn nhà bị cháy, cha của các bà đứng ra xây dựng chứ không hề có sự đóng góp của ai cả. Năm 1999 cha của các bà chết không để lại di chúc.

Năm 2002, ông Nguyễn H khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế với mẹ các bà. Năm 2004, các bà và mẹ lập biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giao toàn bộ nhà và đất cho mẹ toàn quyền quản lý và định đoạt. Sau đó mẹ các bà tặng cho con gái Nguyễn Thị H1 248,5m² (trên thực tế là chuyển nhượng với số tiền 50.000.000 đồng); bán cho ông Phạm Minh H 265,4m²; bán cho ông Đậu

Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T 133,2m² để lấy tiền xây dựng mới căn nhà dùng vào việc thờ cúng ông bà và để lo thuốc thang cho mẹ các bà.

Tháng 10/2012, mẹ của các bà chết không để lại di chúc. Cha mẹ các bà chỉ có 03 người con chung là các bà. Mẹ các bà có 05 người con với đời chồng trước (ông Võ Quốc Sỹ - đã chết). Trong đó, 03 người chết từ nhỏ, 02 người hiện nay còn sống là bà Võ Thị L và bà Võ Thị L1 ở Kon Tum, các bà không biết địa chỉ cụ thể từ đâu. Nhà và đất của mẹ các bà hiện nay do gia đình bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn L (chết năm 1968). Cha mẹ chồng bà là cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C có 04 người con như lời khai của nguyên đơn. Về nguồn gốc di sản thừa kế nguyên đơn yêu cầu chia là đúng của cha mẹ chồng bà. Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Các bà là con ruột của ông Nguyễn L (chết năm 1968) và bà Võ Thị T. Ông, bà nội tôi có 04 người con như lời khai của nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ C theo pháp luật, các bà đồng ý. Trường hợp được nhận phần tài sản thừa kế của ông cha Nguyễn L, các bà nhận bằng giá trị. Các bà đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã định vào ngày 25/4/2017.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Năm 2004, ông, bà mua lô đất diện tích 133,2m² của bà Đặng Thị B, trong đó có 30m² đất thổ cư và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, ông, bà chuyển mục đích thêm 60m² sang đất thổ cư. Năm 2011, ông, bà đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Võ Trương Thị Lan C, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Tâm. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế có liên quan đến phần đất của ông, bà đã mua. Ông, bà không đồng ý vì thời điểm ông, bà ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Đặng Thị B là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định pháp luật vì đất không có tranh chấp. Ông, bà đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Lễ, bà Chi, nhưng ông Lễ, bà Chi chưa được cấp sổ vì vụ án chưa giải quyết xong. Ông, bà không yêu cầu xem xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà với bà Đặng Thị B trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L và bà Võ Trương Thị Lan C trình bày:

Ngày 30/8/2011, ông, bà có mua mảnh đất của ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01676

QSĐĐ/VN-NT do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 10/9/2004. Ông, bà đã công chứng hợp đồng mua bán, đã nộp thuế cho Nhà nước nhưng đến nay vẫn chưa được sang tên sổ đỏ. Ông, bà hoàn toàn không biết thửa đất này có liên quan đến việc kiện tụng của gia đình bà B. Ông, bà đã trả đủ tiền cho Ông T, bà T. Ông, bà mong muốn được cấp sổ đỏ và nhận đất để xây dựng nhà ở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H trình bày:

Việc ông ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Đặng Thị B vào năm 2004 là hoàn toàn ngay tình, hợp pháp vì đất không có ai tranh chấp. Hiện tại ông đã được cấp sổ và xây dựng nhà ở ổn định trên đất. Đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng đất và không yêu cầu xem xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà Đặng Thị B trong vụ án này. Vào tháng 3 năm 2017, ông đã lập hợp đồng tặng cho anh trai là Phạm Minh C diện tích đất trên, việc tặng cho đã được lập hợp đồng và được công chứng. Ông Cảnh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp GCN: CH06139 ngày 05/7/2017. Ngày 14/9/2017, ông Cảnh chuyển mục đích thêm 20m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Hiện tại ông Cảnh là người quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên. Trước đây ông không báo cho Tòa án biết về việc tặng cho đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh C trình bày:

Vào tháng 3 năm 2017, ông được em trai là ông Phạm Minh H tặng cho diện tích đất 264,5m² (trong đó có 100m² đất ở) tại địa chỉ thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N, tỉnh Tỉnh Khánh Hòa, việc tặng cho được lập hợp đồng và được công chứng. Ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp GCN: CH06139 ngày 05/7/2017. Ngày 14/9/2017, ông đã chuyển mục đích thêm 20m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Hiện tại ông là người quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên. Trước đây ông chưa được Tòa án triệu tập vào tham gia tố tụng vì ông không thông báo cho Tòa án biết về việc tặng cho đất này. Nay ông làm bản thông báo cho Tòa án biết để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật. Ông không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và không thắc mắc, khiếu nại gì về quá trình tố tụng của Tòa án trước đây.

Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tỉnh Khánh Hòa, quyết định:

Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991; các Điều 677, 678, 679, 680, 681 Bộ luật dân sự 1995; Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị X (đã chết) về “Tranh chấp chia di sản thừa kế” đối với bị đơn bà Đặng Thị B (đã chết).

1. Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tổ tụng của bà Đặng Thị B gồm các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho những người sau:

- Thanh toán cho ông Nguyễn H với giá trị bằng tiền là 836.625.000 đồng.
- Thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Nguyễn Thị X gồm các ông bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 với giá trị bằng tiền là 836.625.000 đồng.
- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Như M với giá trị bằng tiền là 418.312.500 đồng.
- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Minh T với giá trị bằng tiền là 418.312.500 đồng.

Nghĩa vụ thanh toán của các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 chỉ thực hiện trong phạm vi tài sản của bà Đặng Thị B để lại nêu tại Điều 2 phần quyết định của bản án này.

2. Bà Đặng Thị B được quyền quản lý, sử dụng phần đất ký hiệu C (có sơ đồ bản vẽ kèm theo), có diện tích theo hiện trạng là 203,6m², diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01752 QSDĐ/VN-NT do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 22/10/2004 đứng tên bà Đặng Thị B là 232,9m², tọa lạc tại thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N và căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất có diện tích là 98m².

Bà Đặng Thị B chết nên giao phần nhà đất trên cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng.

3. Giữ nguyên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị B với ông Phạm Minh H, ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị B với bà Nguyễn Thị H1.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đậu Mạnh T, bà Nguyễn Thị Hoài T với ông Nguyễn Ngọc L, bà Võ Trương Thị Lan C; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Minh H và ông Phạm Minh C các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hương, bà H và Hồng trình bày: Cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định

nhà, đất của cụ Nguyễn D, cụ Nguyễn Thị C diện tích là bao nhiêu vì không có giấy tờ chứng minh nhưng lại xác định khối di sản mà cụ D, cụ C để lại là 1.115,5m² đất, trong đó có 230m² đất nghĩa địa là không hợp pháp, không có căn cứ.

Cụ C đã giao cho ông X, bà B quản lý, sử dụng nhà, đất từ năm 1975. Năm 1968 khi nhà bị cháy, ông X đứng ra xây dựng nhà mới cho cụ C ở và sửa lại giếng nước bị sập. Năm 1997, ông X, bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 880m².

Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã không tiến hành hòa giải, thiếu người tham gia tố tụng là bà Võ Thị L và bà Võ Thị L1.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn H là bà Nguyễn Thị M trình bày: Vụ án đã qua nhiều cấp xét xử đều xác định nhà đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm chưa xác định những người đang ở nhà đất mà bà Đặng Thị B quản lý, sử dụng sau khi bà Đặng Thị B chết để đưa họ vào tham gia tố tụng và chưa xem xét thẩm định tại chỗ để xác định nhà có trên đất tranh chấp ai đang quản lý, sử dụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X là các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Võ Thị T, Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thị Minh T, Đậu Mạnh T, Nguyễn Thị Hoài T, Phạm Minh H, Phạm Minh C, Nguyễn Ngọc L và Võ Trương Thị Lan C đã được triệu tập hợp lện đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt hoặc có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đối với người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị B là các bà Võ Thị L và Võ Thị L1, các bên đương sự không cung cấp được địa chỉ

cụ thể của bà Võ Thị L, Võ Thị L1 sống ở tỉnh Kon Tum. Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng bà Võ Thị L, Võ Thị L1 cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

[2] *Về nội dung vụ án*

[2.1] Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự, lời khai của các nhân chứng các ông Nguyễn Khê, Phạm Thông, Nguyễn Hai, Hồ Hưng, Hồ Văn Tích, Nguyễn Biên, Nguyễn Huệ; diễn biến sự việc diễn ra trước khi nhà tranh bị cháy và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: ngôi nhà tranh và giếng nước trên diện tích 880m² đất thuộc thửa đất 130 tờ bản đồ số 08 tại thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung của cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C. Năm 1968, nhà bị cháy, cụ C xây dựng nhà có diện tích 33,97m² để ở có sự hỗ trợ của các con, nên thuộc sở hữu của cụ C.

Đối với 230m² đất thuộc thửa đất số 256 tờ bản đồ số 08 tại thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N, tỉnh Tỉnh Khánh Hòa. Theo Sổ dã ngoại xã Phường V năm 1994 (BL519, 520); Biên bản xác minh ngày 02/5/2012 (BL522) và ngày 15/8/2017 (BL812), Trích đo địa chính thửa đất ngày 25/4/2017, thì diện tích đất nêu trên có mục đích sử dụng là đất nghĩa địa, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một phần đất (109m²) được sử dụng làm lối đi chung do Nhà nước quản lý, phần đất còn lại do bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Minh C, ông Nguyễn Ngọc L và bà Võ Trương Thị Lan C quản lý. Do đó, diện tích 230m² thuộc thửa đất số 256 tờ bản đồ số 08 tại thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C.

Cụ Nguyễn D chết năm 1959 và cụ Nguyễn Thị C chết năm 1979 đều không để lại di chúc, nên di sản mà cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C để lại được chia theo pháp luật.

[2.2] Trên cơ sở các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định: Cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị C có 03 người con ruột là bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn L, ông Nguyễn X và 01 người con nuôi là ông Nguyễn H. Do đó, di sản của cụ D và cụ C để lại được chia đều cho ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn L và ông Nguyễn X (04 phần).

- Ông Nguyễn L chết năm 1968, nên vợ, con của ông L là bà Võ Thị T và các bà Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thị Minh T được hưởng kỷ phần phần thừa kế của ông L được hưởng của cụ D. Con của ông L là bà Nguyễn Thị Như M, bà Nguyễn Thị Minh T được thừa kế thế vị kỷ phần phần thừa kế của ông L được hưởng của cụ C.

- Ông Nguyễn X chết năm 1999, nên vợ, con của ông X là bà Đặng Thị B và các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được hưởng phần di sản thừa kế của ông X.

Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 tự nguyện cho bà Đặng Thị B ký phần thừa kế của các bà được hưởng, nên bà Đặng Thị B được nhận ký phần thừa kế của ông X.

Bà Đặng Thị B chết năm 2012, nên các con của bà B là các bà Võ Thị L, Võ Thị L1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được hưởng di sản thừa kế của bà B.

Đối với bà Võ Thị L và Võ Thị L1 các bên đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà Võ Thị L1, bà Võ Thị L sống ở tỉnh Kon Tum và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Lệ, bà Liên có phải là con riêng của bà B hay không. Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng bà Lệ, bà Liên cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của của những người được hưởng di sản của cụ D, cụ C; đảm bảo cho việc thi hành án và đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của bà B, cần giao cho các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 phần tài sản mà bà B được nhận. Trường hợp sau này, các bà Võ Thị L, Võ Thị L1 có tranh chấp về phần di sản bà B để lại sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Bà Nguyễn Thị X chết năm 2016 (chồng bà X là ông Nguyễn Đứng chết năm 1968), các con của bà X là các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 được nhận ký phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X.

[2.3] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân thành phố N thành lập. Giá trị quyền sử dụng đất: $880\text{m}^2 \times 3.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.640.000.000$ đồng.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/8/2002 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân thành phố N thành lập. Giá trị căn nhà cấp do cụ C xây dựng là 8.125.000 đồng; giá trị giếng nước là 450.000 đồng. Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và giếng nước nêu trên, cũng như yêu cầu xác định phần công sức đóng góp trong khối tài sản của cụ D và cụ C để lại.

Do đó, di sản thừa kế của cụ D, cụ C được chia theo pháp luật là giá trị quyền sử dụng 880m^2 đất là 2.640.000.000 đồng.

Những người được nhận di sản thừa kế của cụ D, cụ C, gồm các ông, bà: Nguyễn H, Nguyễn Thị X, Nguyễn L và Nguyễn X, mỗi người được nhận 660.000.000 đồng (2.640.000.000 đồng : 4 phần).

- Các ông bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 được nhận ký phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X là 660.000.000 đồng, cụ thể mỗi người được nhận 82.500.000 đồng.

- Bà Võ Thị T và các bà Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thị Minh T được nhận ký phần thừa kế của ông L được hưởng của cụ D là 330.000.000

đồng. Bà Nguyễn Thị Như M, bà Nguyễn Thị Minh T được nhận phần thừa kế của ông L được hưởng của cụ C là 330.000.000 đồng. Cụ thể, bà Võ Thị T được nhận 110.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Như M, bà Nguyễn Thị Minh T mỗi người được nhận 275.000.000 đồng.

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được nhận phần thừa kế của bà Đặng Thị B là 660.000.000 đồng. Cụ thể mỗi người được nhận 220.000.000 đồng.

[2.4] Bà Đặng Thị B đã chuyển nhượng, tặng cho phần lớn quyền sử dụng đất là di sản của cụ D, cụ C để lại và quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại. Bà Bích đã chết nên giao cho các con của bà B là các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng 203,6m² đất và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 98m² mà bà B xây dựng trên đất (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/4/2017 và Trích đo địa chính thửa đất ngày 25/4/2017, giá trị quyền sử dụng đất là 610.800.000 đồng; giá trị nhà là: 98m² x 3.107.000đ/m² x 60% = 182.691.600 đồng – Phần C sơ đồ). Và có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn H 660.000.000 đồng; thanh toán cho các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6, mỗi người là 82.500.000 đồng; thanh toán cho bà Võ Thị T 110.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị Như M 275.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị Minh Thanh 275.000.000 đồng.

Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do bà Đặng Thị B để lại.

[2.5] Sau khi Bản án phúc thẩm số 120/DSPT ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tỉnh Khánh Hòa , bác yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị B và các con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 lập bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn X, được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa công chứng ngày 24/3/2004, giao toàn bộ diện tích 880m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất cho bà Đặng Thị B toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Ngày 29/4/2004, bà B đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T 133,2m² đất. Ông T, bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/10/2004, bà B đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Minh H 265,4m² đất. Ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2006, bà B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1 248,5m² đất. Bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng nhà ở ổn định trên đất được cho.

Như vậy, ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị B là hợp pháp và ngay tình và họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, cần giữ nguyên các hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên.

[2.6] Về án phí:

Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị phần di sản mà họ được hưởng.

Đối với số tiền tạm ứng án phí của ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X, bà Đặng Thị B, ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Phạm Minh H theo các Biên lai thu tiền số 005660 và số 005659 ngày 01/11/2007, số 005703 ngày 09/11/2007; số 005717 và số 005716 ngày 12/11/2007 đã được hoàn trả cho các ông, bà nêu trên tại Bản án phúc thẩm số 58/2008/DSPT ngày 01/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tỉnh Khánh Hòa, cấp sơ thẩm lại tiếp tục hoàn trả và bù trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự nêu trên là không đúng, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 677, Điều 678, Điều 679, Điều 680, Điều 681 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X (đã chết) về việc: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn D, cụ Nguyễn Thị C để lại là nhà, đất tại thôn Thôn P, xã Phường V, thành phố N, tỉnh Tỉnh Khánh Hòa.

2. Giá trị phần tài sản thừa kế mỗi người được nhận, cụ thể:

- Ông Nguyễn H được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 được nhận kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị X, mỗi người được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là 82.500.000 đồng (*Tám mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Bà Võ Thị T được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*). Các bà Nguyễn Thị Như M, bà Nguyễn Thị Minh T

mỗi người được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là 275.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được nhận phần giá trị tài sản thừa kế của bà Đặng Thị B là 660.000.000 đồng. Mỗi người được nhận là 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

3. Giao cho các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng lô đất có diện tích 203,6m² và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 98m² do bà Đặng Thị B xây dựng trên đất (Phần C - Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế sau:

- Thanh toán cho ông Nguyễn H 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*);

- Thanh toán cho các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6, mỗi người là 82.500.000 đồng (*Tám mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*);

- Thanh toán cho bà Võ Thị T 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*). Thanh toán cho các bà Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thị Minh T mỗi người 275.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên trong phạm vi di sản do bà Đặng Thị B để lại.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Giữ nguyên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị B với ông Nguyễn Minh H; ông Đậu Mạnh T và bà Nguyễn Thị Hoài T; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị B với bà Nguyễn Thị H1.

6. Về án phí:

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn H phải nộp 30.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 000931 ngày 16/5/2002; 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 004501 ngày 01/10/2003; 1.335.000 đồng tiền án phí thi hành án theo Biên lai thu tiền số 001494 ngày 28/6/2004 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông Nguyễn H còn phải nộp 28.965.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 mỗi người phải nộp 4.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 004500 ngày 01/10/2003; 1.335.000 đồng tiền án phí thi hành án theo Biên lai thu tiền số 001495 ngày 28/6/2004 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N (bà Nguyễn Thị X đã nộp). Các ông, bà Nguyễn V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị T6 mỗi người còn phải nộp 3.951.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 mỗi người phải nộp 11.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0007464 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 mỗi người còn phải nộp 10.900.000 án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị T phải nộp 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 004504 ngày 01/10/2003 và 1.335.000 đồng tiền án phí thi hành án theo Biên lai thu tiền số 001495 ngày 28/6/2004 của Thi hành án dân sự thành phố N. Bà Võ Thị T còn phải nộp 4.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Các bà Nguyễn Thị Như M, bà Nguyễn Thị Minh T mỗi người phải nộp 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tỉnh Khánh Hòa ;
- TAND TP. Thành phố N;
- VKSND TP. Thành phố N;
- Chi cục THADS TP. Thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Viên